TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025
V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Trần Xuân Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị G, sinh năm: 1984; nơi thường trú: Số 91 Trần Khánh D, khu phố 4, phường B, tỉnh A; nơi tạm trú: Số 46/KDC 02, tổ 30, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Trần A, sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn 5, xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Số 46/KDC 02, tổ 30, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị G và ông Lê Trần A tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường T, tỉnh An Giang), theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 24/02/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc, vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Gấm yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trần A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Ah T, sinh ngày 12/7/2012 và Lê Thị Minh H, sinh ngày 18/5/2024. Sau khi ly hôn bà Trịnh Thị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung trên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trần A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trần A đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông An không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị G khởi kiện ông Lê Trần A yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, ông A hiện đang tạm trú và sinh sống tại số 46/KDC 02, tổ 30, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trần A và bà Trịnh Thị G tự nguyện tìm hiểu chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang), theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 24/02/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà G xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông A. Tòa án có xác minh tại địa phương nhưng địa phương chưa ghi nhận gì về mâu thuẫn vợ chồng của bà G và ông A.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Gấm và ông An không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án nhiều lần triệu tập ông A tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn

tụ, nhưng ông A vắng mặt. Mặt khác, bà G xác định bà không còn tình cảm với ông An, bà cương quyết ly hôn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà G về việc ly hôn với ông A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà G và ông A có 02 con chung tên Lê Trần Anh T, sinh ngày 12/7/2012 và Lê Thị Minh H, sinh ngày 18/5/2024. Sau khi ly hôn bà Trịnh Thị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung trên.

Xét, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2025 của cháu Lê Trần Anh T, cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Bà G có chỗ ở ổn định, hiện nay 02 cháu đang ở cùng với bà G. Ông A vắng mặt không có ý kiến. Nên để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức nên giao 02 cháu Lê Trần Ah T và Lê Thị Minh H cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Gấm không yêu cầu ông Lê Trần A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên của bà Gấm.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị G đối với bị đơn ông Lê Trần A về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị G được ly hôn với ông Lê Trần A.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Trần Anh T, sinh ngày 12/7/2012 và Lê Thị Minh H, sinh ngày 18/5/2024 cho bà Trịnh Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Trần A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số

0000866 ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 - Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA